

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LÃNH NHAU GIỮA CỘNG HOÀ XÃ
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC HÀ LAN
Ngày 10 tháng 03 năm 1994

Với mong muốn thúc đẩy quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước, mở rộng tăng cường quan hệ kinh tế giữa hai nước, đặc biệt đối với những đầu tư của các công dân của một Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia. Nhận thấy rằng Hiệp định về đối xử một cách công bằng và thỏa đáng đối với những đầu tư như vậy sẽ khuyến khích nguồn vốn, công nghệ và sự phát triển kinh tế của các Bên ký kết. Hai bên đã thỏa thuận như sau

Điều 1

Với mục đích của Hiệp định này:

- a) Thuật ngữ "đầu tư" bao gồm mọi loại tài sản, đặc biệt nhưng không chỉ là:
- (i) sở hữu động sản và bất động sản cũng như các quyền sở hữu khác đối với mọi loại tài sản;
 - (ii) các quyền phát sinh từ cổ phần, trái phiếu và các lợi ích khác của công ty và liên doanh;
 - (iii) các quyền về tiền, về tài sản khác hoặc về bất kỳ hoạt động nào có giá trị kinh tế;
 - (iv) các quyền trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, qui trình kỹ thuật, đặc quyền kế nghiệp và bí quyết công nghệ;
 - (v) những quyền được pháp luật đảm bảo gồm các quyền thăm dò, khai thác, chiết xuất, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên.
- b) Thuật ngữ "công dân" tùy theo mỗi Bên ký kết:
- (i) Các thể nhân có quốc tịch của Bên ký kết đó;
 - (ii) các pháp nhân được thành lập theo luật của Bên ký kết;
 - (iii) các pháp nhân không được thành lập theo luật pháp của Bên ký kết, nhưng chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi thể nhân quy định tại mục (i), hoặc bởi pháp nhân quy định tại mục (ii)

Điều 2

Mỗi Bên ký kết trong phạm vi pháp luật và quy định của mình sẽ thúc đẩy sự hợp tác kinh tế bằng việc bảo hộ trên lãnh thổ nước mình những đầu tư của các công dân của Bên ký kết kia. Mỗi Bên ký kết sẽ chấp nhận những đầu tư đó, phù hợp với quyền thực hiện quyền lực theo luật pháp và quy định của mình.

Điều 3

- (1) Mỗi Bên ký kết sẽ bảo đảm đối xử công bằng và thỏa đáng đối với đầu tư của các công dân Bên ký kết kia và sẽ không áp dụng các biện pháp vô căn cứ hoặc phân biệt đối xử làm phương hại đến sự hoạt động, quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc thanh lý những đầu tư của các công dân đó.

- (2) Đặc biệt mỗi Bên ký kết sẽ dành sự an toàn và bảo hộ vật chất đầy đủ cho những đầu tư đó và trong bất kỳ trường hợp nào không kém thuận lợi hơn so với đầu tư của công dân nước mình hoặc của công dân của nước thứ ba; sự đối xử nào thuận lợi hơn cho công dân có liên quan sẽ được áp dụng.
- (3) Nếu một Bên ký kết dành những ưu đãi đặc biệt cho công dân của bất kỳ nước nào trên cơ sở các Hiệp định về thành lập liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ hoặc các tổ chức tương tự, hoặc trên cơ sở những thỏa thuận tạm thời thành lập các liên minh tổ chức như vậy, thì Bên ký kết đó sẽ không buộc phải dành những ưu đãi đó cho công dân của Bên ký kết kia.
- (4) Mỗi Bên ký kết phải chấ

Điều 4

Về các loại thuế và miễn giảm thuế, mỗi Bên ký kết căn cứ vào luật pháp và quy định về thuế của mình sẽ dành cho công dân Bên ký kết kia tham gia bất kỳ hoạt động kinh tế nào trên lãnh thổ của mình, sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử dành cho công dân của mình hoặc công dân của bất kỳ nước thứ ba nào, trong cùng hoàn cảnh. Tuy nhiên, nhằm mục đích này, Bên đó sẽ không xem xét những ưu đãi tài chính mà bên đó dành cho:

- a) Theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; hoặc
- b) Do tham gia vào một liên minh thuế quan, liên minh kinh tế hoặc một tổ chức tương tự; hoặc
- c) Trên cơ sở có đi có lại với một quốc gia thứ ba.

Điều 5

Các Bên ký kết sẽ bảo đảm cho mọi khoản tiền trả có liên quan đến đầu tư có thể được chuyển ra nước ngoài. Sự chuyển tiền này được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi mà không bị hạn chế hay chậm trễ. Việc chuyển tiền này đặc biệt tuy không phải chỉ riêng:

- a) Lợi nhuận, tiền lãi, lãi cổ phần và các thu nhập khác.
- b) Tiền dùng để:
 - (i) mua các nguyên liệu chính và phụ, các thành phẩm hoặc các bán thành phẩm; hoặc
 - (ii) thay thế các tài sản chính nhằm bảo đảm tính liên tục của đầu tư.
- c) Tiền bổ sung để phát triển đầu tư.
- d) Tiền để trả nợ.
- e) Tiền bản quyền hay lệ phí.
- f) Thu nhập của các thể nhân.
- g) Tiền bán hay thanh lý đầu tư.

Điều 6

Không một Bên ký kết nào được thực hiện bất kỳ biện pháp nào để tước đoạt trực tiếp hoặc gián tiếp những đầu tư của các công dân của Bên ký kết kia, trừ khi được thực

hiện với những điều kiện sau:

- a) Các biện pháp được thực hiện vì lợi ích công cộng và theo thủ tục của Luật;
- b) Các biện pháp không có sự phân biệt đối xử hoặc trái với bất cứ cam kết nào mà Bên ký kết cam kết như những biện pháp có thể thực hiện;
- c) Các biện pháp áp dụng phải được bồi thường công bằng. Việc bồi thường đó sẽ theo đúng giá trị thực tế của những đầu tư, bao gồm lãi với lãi suất thương mại thông thường cho đến ngày chi trả. Để có hiệu quả cho người đòi bồi thường, khoản bồi thường sẽ được trả và chuyển không chậm trễ sang nước mà người đó xác định, và bằng đồng tiền của nước mà người đó là công dân hoặc bất kỳ đồng tiền tự do chuyển đổi nào mà người đó chấp thuận.

Điều 7

Công dân của một Bên ký kết bị tổn thất trong việc đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do chiến tranh hoặc các xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, bạo loạn nổi dậy, bạo động sẽ được Bên ký kết kia đối xử trong trường hợp phục hồi, bồi thường, đền bù hoặc các trường hợp giải quyết khác, không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử mà Bên ký kết đó đã dành cho công dân nước mình hoặc công dân nước thứ ba; sự đối xử nào thuận lợi hơn cho công dân có liên quan sẽ được áp dụng.

Điều 8

Nếu đầu tư của công dân của một Bên ký kết được bảo hiểm về rủi ro phi thương mại theo pháp luật thì bất kỳ sự thế quyền nào của người bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm đối với các quyền của công dân đó trong phạm vi bảo hiểm như vậy sẽ được Bên ký kết kia công nhận.

Điều 9

1. Tranh chấp giữa một Bên ký kết với công dân của Bên ký kết kia liên quan tới đầu tư của công dân của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của Bên ký kết đó, thì nếu có thể sẽ được giải quyết bằng hòa giải.
2. Nếu vụ tranh chấp đó không được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày một Bên tranh chấp đề nghị giải quyết bằng hòa giải thì theo yêu cầu của công dân liên quan, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án trọng tài Ad-hoc được thành lập theo thỏa thuận đặc biệt hoặc theo Quy tắc Trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế.
3. Trong trường hợp các bên ký kết tham gia Công ước giải quyết các tranh chấp về đầu tư giữa Nhà nước với công dân của Nhà nước kia ký ngày 18/03/1965 tại Washington, thì những tranh chấp nêu tại khoản 1 Điều này, theo yêu cầu của công dân có liên quan sẽ được đưa ra Trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư để giải quyết bằng hòa giải hay trọng tài theo Công ước đó.
4. Mỗi Bên ký kết đồng

Điều 10

Các điều khoản của Hiệp định này sẽ được áp dụng từ ngày Hiệp định này có hiệu lực và đồng thời cho cả những đầu tư được thực hiện sau ngày 30 tháng 04 năm 1975.

Điều 11

Một trong các Bên ký kết có thể yêu cầu Bên ký kết kia trao đổi về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này. Bên ký kết kia sẽ xem xét một cách thiện chí đề nghị đó và sẽ tạo điều kiện thích hợp cho sự trao đổi như vậy.

Điều 12

- 1) Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên ký kết có liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này, mà không thể giải quyết được trong một thời gian hợp lý bằng biện pháp đàm phán ngoại giao, trừ khi các Bên ký kết có sự thỏa thuận khác thì theo yêu cầu của một Bên ký kết, vụ tranh chấp được đưa ra Tòa án trọng tài gồm có 3 thành viên. Mỗi Bên sẽ chỉ định một trọng tài và hai trọng tài này sẽ chỉ định một trọng tài thứ ba không phải công dân của một trong hai Bên ký kết làm Chủ tịch.
- 2) Nếu một trong các Bên ký kết không chỉ định được trọng tài của mình và không tiến hành việc chỉ định trọng tài trong vòng 02 tháng kể từ khi có yêu cầu của Bên ký kết kia về việc chỉ định trọng tài như vậy, thì Bên ký kết kia có thể mời Chủ tịch của Tòa án quốc tế chỉ định trọng tài.
- 3) Nếu hai trọng tài không thể thỏa thuận được việc chỉ định trọng tài thứ ba trong vòng 02 tháng kể từ ngày được chỉ định, thì một trong hai Bên sẽ mời Chủ tịch Tòa án quốc tế chỉ định trọng tài.
- 4) Trong trường

Điều 13

Về phía Vương quốc Hà Lan, Hiệp định này sẽ áp dụng đối với phần của Vương quốc Hà Lan ở Châu Âu. Vùng Antilles và Aruba của Hà Lan, trừ khi đưa ra thông báo nêu tại Điều 14, mục (1) có quy định khác.

Điều 14

- 1) Hiệp định này có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày các Bên ký kết thông báo cho nhau bằng văn bản về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý theo yêu cầu của luật pháp của mỗi nước và có hiệu lực trong thời gian 15 năm.
- 2) Ít nhất 06 tháng trước ngày Hiệp định hết hiệu lực, nếu một trong hai Bên ký kết không có thông báo về việc chấm dứt Hiệp định thì Hiệp định này sẽ đương nhiên được kéo dài từng giai đoạn 10 năm một; mỗi Bên ký kết được quyền chấm dứt Hiệp định sau khi đã thông báo ít nhất là 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn có hiệu lực hiện hành.
- 3) Đối với những đầu tư được thực hiện trước ngày kết thúc Hiệp định này, những điều khoản trên đây tiếp tục có hiệu lực trong thời gian 15 năm kể từ ngày kết thúc.

- 4) Theo thời hạn nêu tại mục (2) của Điều này, Chính phủ Vương quốc Hà Lan có quyền chấm dứt việc áp dụng Hiệp định này một cách riêng rẽ đối với bất cứ phần lãnh thổ nào của Vương quốc.

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Nghị định thư kèm theo Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Hà Lan về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau.

Trong việc ký kết Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Hà Lan về khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau, đại diện các Bên đồng ý các điều khoản sau đây là một phần không tách rời của Hiệp định:

Bổ sung Điều 3 khoản 2:

Sự an toàn và bảo hộ vật chất nêu tại Điều 3 khoản 2 chỉ có nghĩa là sự bảo hộ của cảnh sát, đơn vị cứu hỏa, quân đội và những tổ chức tương tự mà thực hiện sự bảo hộ ngang bằng tương tự về con người và tài sản cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Bổ sung Điều 5:

Trong gtp cần có Giấy phép đầu tư để phê chuẩn một sự đầu tư, việc ban hành một Giấy phép như vậy sẽ bảo đảm rằng những bảo đảm nêu trong Điều 5 là hoàn toàn có hiệu lực với đầu tư đó. khi không cần giấy phép như vậy, thì Điều 5 cũng sẽ đương nhiên được áp dụng.